

Số: /BC-UBND Thành phố Lai Châu, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 tại thành phố Lai Châu

Thực hiện Công văn số 998/SNV-CCHC ngày 31/5/2024 của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu về báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2024 theo Chương trình công tác của UBND tỉnh, UBND thành phố Lai Châu báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 4151/KH-UBND về công tác CCHC năm 2024, xác định CCHC là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền hành chính. Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC phải đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao và bám sát các chỉ tiêu trong Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2030.

Kế hoạch CCHC của thành phố thực hiện đồng bộ trên 06 nội dung tổng thể, đó là: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách thủ tục hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, thông qua 31 nhiệm vụ trên các lĩnh vực, các nhiệm vụ được xác định cụ thể và rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị để triển khai, đến nay đã và đang thực hiện 10/20 nhiệm vụ. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND thành phố, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường đã ban hành đầy đủ kế hoạch CCHC năm 2024 phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

Thực hiện việc xác định chỉ số CCHC năm 2023, UBND thành phố đã triển khai tự xác định chỉ số gửi Hội đồng Tỉnh thẩm định đảm bảo tiến độ, kết quả: đạt 78,99 điểm (tăng 6,95 điểm so với năm 2022); xếp thứ 3/8 huyện, thành phố (tăng 01 hạng so với năm 2022); thực hiện đánh giá và công bố Chỉ số cải cách hành chính đối với các xã, phường trên địa bàn thành phố Lai Châu¹, kết quả: chỉ số trung bình đạt 84,18 điểm (tăng 9,23% so với năm 2022), đạt chỉ số cao

¹ Kế hoạch số 439/QĐ-UBND, ngày 22/02/2024 triển khai đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố Lai Châu; Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 Về việc công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố Lai Châu.

nhất là phường Quyết Tiến (88,87%), thấp nhất là xã San Thàng (78,1%), các xã, phường còn lại đạt chỉ số từ 81,37 đến 88,42%.

Về tình hình thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao: Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND thành phố được giao 126 nhiệm vụ trong các lĩnh vực về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đến nay đã hoàn thành đúng hạn 126 nhiệm vụ, không có nhiệm vụ quá hạn.

2. Công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền về CCHC được quan tâm thực hiện thường xuyên, kịp thời. Ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tuyên truyền đầy đủ, phong phú về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu nắm bắt, tìm hiểu thông tin của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong thành phố.

Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng và thực hiện 16 tin bài, phóng sự phát trên trang truyền hình cơ sở và chương trình truyền thanh. Công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng công tác CCHC, tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ về tinh thần, thái độ làm việc, ý thức rõ trách nhiệm phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp, không gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực trong giải quyết TTHC.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

1. Cải cách thể chế

Đã chỉ đạo ban hành và thực hiện Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QLPL trên địa bàn thành phố năm 2024. Chỉ đạo 100% các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật tập trung vào các nội dung cơ bản như: căn cứ pháp lý; tính thực tiễn, sự phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; rà soát theo yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, công dân. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, xã phường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, PBGDPL; quan tâm triển khai quán triệt kịp thời và thực hiện nghiêm túc các văn bản Luật, văn bản quy phạm pháp luật của trung ương, của tỉnh mới ban hành; nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của thành phố, cấp xã.

Công tác xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật được triển khai đúng theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Thành phố đã ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật về quy định

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Kinh tế và phòng Giáo dục và Đào tạo.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục chỉ đạo triển khai, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, xã, phường đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thực hiện nhiệm vụ và tháo gỡ các “điểm nghẽn” Đề án 06; rà soát, đề xuất các TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Đề xuất quy trình nội bộ giải quyết TTHC. Thường xuyên rà soát, tìm kiếm các giải pháp để đơn giản hóa TTHC.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại thành phố và 07/07 xã, phường. Đôn đốc các cơ quan đơn vị tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Cơ sở vật chất cơ bản được trang bị đầy đủ, từng bước đáp ứng được nhu cầu công việc và giao dịch của công dân. Chỉ đạo bộ phận một cửa các cấp tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ, thanh toán trực tuyến qua hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lai Châu, dịch vụ công quốc gia. Hướng dẫn bộ phận một cửa các cấp thực hiện niêm yết công khai TTHC, địa chỉ phản ánh kiến nghị; Niêm yết mã QR code quyết tra cứu TTHC.

Trong 6 tháng đầu năm, thành phố và các xã, phường đã tiếp nhận 2.858 hồ sơ TTHC, trong đó: đã giải quyết xong 2.814 hồ sơ, giải quyết trước và đúng hạn 2.807 hồ sơ (*đạt 99,75%*). Đang giải quyết 44 hồ sơ trong thời hạn, không có hồ sơ quá hạn cần giải quyết.

Thực hiện công khai địa chỉ và xây dựng hòm thư góp ý để tiếp nhận xử lý các ý kiến phản ánh của cá nhân, tổ chức. Trong 6 tháng đầu năm, thành phố không có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về giải quyết TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tổ chức bộ máy của thành phố được rà soát kiện toàn ổn định, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp khác và tổ chức hội đặc thù, đơn vị hành chính cấp xã, phường không có biến động so với năm 2023, hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thành phố. Tính đến thời điểm báo cáo, UBND thành phố có 11 phòng chuyên môn, 05 đơn vị sự nghiệp khác, 01 tổ chức hội đặc thù và 07 đơn vị hành chính cấp xã (*02 xã, 05 phường*).

Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy lãnh đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục được quan tâm củng cố, kiện toàn. UBND thành phố thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo quản lý 6 tháng đầu năm 2024 đối với 18 người; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và bổ nhiệm cho 10 công chức, viên chức, trong đó: Bổ nhiệm 01 viên chức; điều động và bổ nhiệm 05 (*công chức 01, viên chức 04*); tiếp nhận và bổ nhiệm 01 công chức; bổ nhiệm lại 03 viên chức. Hiện tại đang thực hiện quy trình bổ nhiệm lại 02 viên chức quản lý; xin chủ trương kiện toàn 01 công chức Phó Trưởng phòng.

Công tác điều động, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được rà soát thực hiện trên cơ sở biên chế giao cho các cơ quan, đơn vị, trình độ chuyên môn được đào tạo của công chức, viên chức. Trong 6 tháng đầu năm, UBND thành phố xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác, theo đó thành phố chuyển đổi vị trí công tác đối với 06 công chức, viên chức thuộc vị trí kế toán tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thành phố; thực hiện tiếp nhận 01 viên chức, tiếp nhận và bố trí công tác đối với 01 công chức, biệt phái đối với 02 viên chức; rà soát đăng ký nhu cầu tiếp nhận công chức đợt I năm 2024 đối với 02 người (*01 công chức cấp xã, 01 viên chức*); thực hiện quyết định chuyển công tác theo nguyện vọng đối với 04 công chức, viên chức; công văn nhất trí giải quyết cho 03 viên chức đi liên hệ chuyển công tác.

Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định. Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND thành phố ban hành quyết định đính chính bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp 01 viên chức; quyết định đính chính quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển kỳ thi kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức đối với 01 công chức; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với 04 viên chức (*sau tuyển dụng*); quyết định bổ nhiệm và xếp ngạch công chức 02 công chức (*sau khi trúng tuyển thi nâng ngạch*); trình Sở Nội vụ tỉnh đính chính quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với 04 viên chức; quyết định hủy bỏ quyết định nâng bậc lương đợt II năm 2022 đối với 01 viên chức; quyết định nâng bậc lương đợt I năm 2024 đối với 03 công chức; công văn đề nghị Sở Nội vụ và UBND huyện Phong Thổ đính chính quyết định nâng bậc lương, quyết định chuyển loại bổ nhiệm xếp lương đối với 03 viên chức. Thực hiện trình Tỉnh tình giản biên chế đợt II năm 2024 (*01 công chức, 01 biên chế tổ chức Hội, 01 viên chức*). Ban hành quyết định nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí 05 viên chức; công văn nhất trí giải quyết chấm dứt hợp đồng đối với người lao động xin nghỉ thôi việc cho 01 người.

Thực hiện đúng các quy định về số lượng lãnh đạo cấp phòng theo Quyết định quy định số lượng Phó Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố².

Chỉ đạo các xã, phường thực hiện nghiêm việc bố trí, sắp xếp kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC luôn được quan tâm thực hiện. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được UBND thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện nhằm từng bước nâng cao chất lượng, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kết quả: Trình Trường chính trị Tỉnh đăng ký cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch năm 2024; quyết định cử 22 cán bộ, công chức, viên chức tham gia khoá đào tạo nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu năm 2024;

² Số Quyết định 104/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND thành phố Lai Châu.

quyết định cử 01 công chức tham gia lớp bồi dưỡng ngạch Thanh tra viên chính. Xây dựng kế hoạch mở lớp bồi dưỡng theo Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh Lai Châu; trình phê duyệt nội dung chương trình lớp bồi dưỡng năm 2024; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025 trình cấp có thẩm quyền theo quy định; kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 44-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

Thực hiện siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Trong 6 tháng đầu năm 2024, thành phố không có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện nâng cao hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí đối với các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập. Có 40% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo và đảm bảo từ 10% chi thường xuyên trở lên (không bao gồm các đơn vị trường học).

Thực hiện nghiêm túc việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước trên tinh thần tiết kiệm, đúng mục đích, có hiệu quả. Đến nay đã thực hiện thu ngân sách địa phương được 265.155 triệu đồng, đạt 41% so với kế hoạch tỉnh và 40,9% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao³. Trong đó: Thu NSNN trên địa bàn là 56.699 triệu đồng, đạt 31,7% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 31% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, tổng kế hoạch vốn giao năm 2024 là 111.521 triệu đồng, lũy kế khối lượng hoàn thành từ đầu năm đến thời điểm báo cáo là 28.764 triệu đồng; giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 đạt 21.660 triệu đồng, bằng 19,4% kế hoạch vốn giao⁴.

UBND thành phố đã chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện nghiêm các kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán. Cơ bản các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán đã được chỉ đạo khắc phục thực hiện đảm bảo. Đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm, chấn chỉnh trong công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư, xây dựng cơ bản.

Thực hiện tốt các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện tiết kiệm, có hiệu quả theo đúng quy định. Việc mua sắm, trang thiết bị làm việc của các cơ quan, đơn vị đúng đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, phục vụ thiết thực cho công việc.

³ Tỷ lệ phần trăm đã loại trừ phần thu chuyển nguồn năm trước sang (68.474 triệu đồng);

⁴ Đến ngày 29/5/2024: Giải ngân nguồn vốn tình quản lý đạt 3.657/20.000 triệu đồng, bằng 18,3% KHV; nguồn vốn thành phố quản lý giải ngân đạt 18.003/91.521 triệu đồng, bằng 19,7% KHV;

Thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố, triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ đến các cơ quan, đơn vị.

6. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được thành phố Lai Châu xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính công. UBND thành phố đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số năm 2024⁵, công tác chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đã có những chuyển biến và đạt được kết quả tích cực.

- Ứng dụng chữ ký số, gửi, nhận văn bản điện tử, lập hồ sơ điện tử trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành. Tỷ lệ văn bản đi được ký số và gửi bằng hình thức văn bản điện tử đạt 94,7%, tỷ lệ văn bản đến được xử lý trên môi trường điện tử đạt 100%. 100% cơ quan, đơn vị, các xã phường và 100% lãnh đạo các phòng, ban, UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố được cấp chứng thư số, chữ ký số sử dụng trong giao dịch điện tử. 60% hồ sơ công việc tại thành phố và 40% hồ sơ công việc tại các xã, phường được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% công tác báo cáo (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan được thực hiện, cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, như: Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo các cuộc họp hàng năm; Báo cáo Chính quyền điện tử.

- Việc họp trực tuyến cũng được triển khai thực hiện liên thông 4 cấp: Trung ương, Tỉnh, Thành phố, xã phường. Trên 50% cuộc họp của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện họp thông qua Hệ thống, trong đó lựa chọn những nội dung phù hợp để triển khai đến các xã, phường.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (nay được gọi là dịch vụ công trực tuyến toàn trình) được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Trên 90% cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND thành phố sử dụng hòm thư công vụ.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông tới 100% các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, phường..

- Thực hiện giao việc trên Hệ thống phần mềm quản lý và điều hành văn bản để theo dõi nhiệm vụ Ủy ban nhân dân và chủ tịch UBND thành phố giao có hiển thị thời gian thực hiện.

Trang thông tin điện tử thành phố và 07/07 xã, phường hoạt động ổn định, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước;

⁵ Kế hoạch số 3955/KH-UBND ngày 12/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu.

những tin tức sự kiện được đăng tải kịp thời để phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới công nghệ thông tin của thành phố được đầu tư ngày càng hiện đại, đồng bộ. Các cơ quan, đơn vị thành phố đã đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, ứng dụng CNTT vào công tác cải cách hành chính nhằm phục vụ lợi ích công cộng của nhân dân, công tác chỉ đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

(Có phụ lục kèm theo)

III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Việc rà soát TTHC tuy đã được thực hiện, nhưng chưa đề xuất được phương án đơn giản hóa thật sự hiệu quả.

- Việc xử lý hồ sơ TTHC trực tuyến còn một số hạn chế như: Hệ thống xử lý chậm, đôi lúc bị lỗi không xử lý được (đặc biệt là việc thanh toán trực tuyến), việc đăng ký tài khoản dịch vụ công gặp khó khăn khi hệ thống không gửi mã xác nhận vào điện thoại cá nhân người đăng ký.

- Trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông tại thành phố, các xã, phường tuy đã được đầu tư nhưng chưa đầy đủ, chưa đồng bộ (thiếu máy scan, hệ thống camera giám sát đã hỏng).

2. Nguyên nhân

Một số công chức mới được giao nhiệm vụ chưa nắm vững các kiến thức, kỹ năng về CCHC; hạn chế trong việc rà soát, đề xuất cắt giảm TTHC nội bộ.

Các hình thức tuyên truyền đến tổ chức, cá nhân về dịch vụ công trực tuyến chưa có sự đổi mới, chưa thực sự hiệu quả.

Thiếu kinh phí đầu tư đồng bộ trang thiết bị cho bộ phận một cửa trên địa bàn thành phố.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, các xã, phường tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung cải cách hành chính theo Kế hoạch.

2. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính; rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC. Tăng cường tiếp nhận, xử lý, số hóa TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh. Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của bộ phận “Một cửa” thành phố và các xã, phường. Kịp thời tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC (nếu có).

3. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Trung ương; Nghị quyết số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số

108/2020/NĐ-CP của Chính phủ; các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị Quyết của Tỉnh, thành phố; Thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình.

4. Tăng cường các biện pháp để thực hiện tốt các tiêu chí về cải cách tài chính công theo kế hoạch đã đề ra, khắc phục triệt để các kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán.

5. Tăng cường, đẩy mạnh các biện pháp thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số; nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm quản lý văn bản trong xử lý công việc và lập hồ sơ lưu trữ; đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu đảm bảo tương thích, đồng bộ và thông suốt để nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 tại UBND thành phố Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu;
- Chủ tịch, các PCTUBND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêng

Phụ lục
BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CCHC ĐỊNH KỲ CỦA
UBND THÀNH PHỐ LAI CHÂU

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND thành phố)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH				
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	3	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Hoạt động	20	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Hoạt động	11	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số cơ quan, đơn vị thuộc UBND thành phố đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	126	
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	126	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
II CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	Tổng số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành			
1.1	Số VBQPPL được thông qua	Văn bản	0	
1.2	Số VBQPPL được ban hành	Văn bản	0	
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết			
2.1	Tổng số văn bản quy định chi tiết được cấp có thẩm quyền giao	Văn bản	0	

2.2	Số văn bản quy định chi tiết đã được ban hành	Văn bản	0	
2.3	Số văn bản quy định chi tiết còn nợ đọng (quá hạn)	Văn bản	0	
3	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra			
3.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
3.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
4	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát			
4.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
4.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
III	CẢI CÁCH TTHC, THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG			
1	Thống kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4	Tổng số TTHC đang có hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	356	
1.4.1	<i>Số TTHC của thành phố</i>	<i>Thủ tục</i>	245	
1.4.3	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	111	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	41	
3	Kết quả giải quyết TTHC (bao gồm cả thành phố và cấp xã)			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	99,75%	
3.1.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	2814	
3.1.2	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	2807	
3.2	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.2.1	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.2.2	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Số đơn vị hành chính trực thuộc	Cơ quan, đơn	11	

		vị		
1.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	5	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	98	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	92	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính	Người	4	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
2.5	Tỷ lệ % biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	16	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	934	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	927	
3.3	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	14	
3.4	Tỷ lệ % biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, đơn vị hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	5	
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
3.1	Số lãnh đạo UBND thành phố hiện có mặt	Người	4	
3.2	Số lượng lãnh đạo UBND thành phố được bổ nhiệm mới		0	
3.3	Số lãnh đạo cấp phòng hiện có mặt	Người	41	
3.4	Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	2	
3.5	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)	Người	0	
3.5.1	Số lãnh đạo thành phố bị kỷ luật	Người	0	

3.5.2	Số lãnh đạo cấp phòng bị kỷ luật	Người	0	
3.5.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật	Người	0	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
1	Các văn bản triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP	Văn bản	0	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị	35	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>1</i>	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	33	
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			
1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi số			
1.1	Số nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch	Nhiệm vụ	04	
1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch	Nhiệm vụ	03	
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	%	60	
3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
4	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các phòng, ban thành phố	%	100	
5	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			

6.4	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 (một phần)	%	100	
6.4.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	59	
6.4.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	59	
6.4.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	22	
6.5	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 (toàn trình)	%	100	
6.5.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	93	
6.5.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	93	
6.5.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	24	
6.6	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	52	Dichvuc ong.gov .vn
6.6.1	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	152	
6.6.2	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	79	Dichvuc ong.gov .vn
6.7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	93,17%	
6.7.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	2858	
6.7.2	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	2550	
6.8	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	dichvuc ong.gov .vn
6.8.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	54	
6.8.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh</i>	<i>Thủ tục</i>	54	
7	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100%	